

Số: 282/2026/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 24 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 176/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị B, sinh năm: 1986; Căn cước công dân số: 046186012176, ngày cấp: 05/12/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C; Địa chỉ: Thôn T, xã V, thành phố H.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn M, sinh năm: 1985; Căn cước công dân số: 046085005680, ngày cấp: 19/02/2025, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C; Địa chỉ: Thôn T, xã V, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Huỳnh Thị B, sinh năm: 1986 và anh Trần Văn M, sinh năm: 1985.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị Huỳnh Thị B và anh Trần Văn M công nhận vợ chồng có 03 người con chung là: Cháu Trần Thị Huỳnh V, sinh ngày 06/8/2008; cháu Trần Huỳnh Đức H, sinh ngày 14/02/2013 và cháu Trần Huỳnh Thế T, sinh ngày 06/8/2016.

Giao cháu Trần Thị Huỳnh V cho chị Huỳnh Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao cháu Trần Huỳnh Đức H, cháu Trần Huỳnh Thế T cho anh Trần Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2 Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị B và anh Trần Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị B chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001337 ngày 23/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Chị B đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện và thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
 - Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Huế;
 - Phòng THADS khu vực 4 – Huế;
 - UBND xã Vinh Lộc, thành phố Huế
- (Đăng ký kết hôn ngày 07/3/2008 tại UBND xã Vinh Giang, huyện Phú Lộc cũ);
- Dương sự;
 - Lưu án văn;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Hằng

